TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 11

Phòng: 11

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Sinh học	Tiếng Anh	Địa lí
1	110001	Ngô Hoài An	29/10/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
2	110002	Nguyễn Hoài An	03/01/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
3	110003	Phan Tất Hải An	22/10/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
4	110004	Thái Trần Mỹ An	14/03/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
5	110005	Võ Hoàng An	17/07/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
6	110006	La Nguyễn Quỳnh Anh	19/04/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
7	110007	Nguyễn Nguyễn Quỳnh Anh	12/03/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
8	110008	Nguyễn Phương Anh	07/11/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
9	110009	Trần Đức Hoài Anh	06/05/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
10	110010	Nguyễn Trần Hoàng Bách	27/09/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
11	110011	Văn Trọng Bách	13/07/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
12	110012	Lê Ngọc Bảo	11/10/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
13	110013	Nguyễn Hoàng Ngọc Băng	31/07/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
14	110014	Nguyễn Lê Thanh Bình	23/09/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
15	110015	Cao Nguyễn Bảo Châu	27/10/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
16	110016	Hồ Hồng Châu	25/01/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
17	110017	Lê Hoàng Minh Châu	02/08/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
18	110018	Nguyễn Ngọc Minh Châu	29/01/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
19	110019	Hà Quế Chi	07/11/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
20	110020	Trần Khánh Chi	10/01/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
21	110021	Nguyễn Xuân Cương	28/08/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
22	110022	Nguyễn Quốc Cường	11/11/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
23	110023	Nguyễn Lương Thành Danh	08/08/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
24	110024	Ngô Lê Ngọc Diệp	03/02/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	

25	110025	Nguyễn Ngọc Diệp	23/01/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
26	110026	Nguyễn Vũ Văn Dũng	25/07/2010	11 SỬ	X		X	X		X		X	X
27	110027	Nguyễn Bảo Duy	09/07/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
28	110028	Đỗ Lê Mỹ Duyên	09/10/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
29	110029	Phan Nguyễn Hồng Duyên	13/05/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
30	110030	Lê Xuân Dương	30/08/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
Số lượng					***28***	***29***	***25***	***28***	***15***	***19***	***11***	***20***	***13***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 11

Phòng: 12

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Sinh học	Tiếng Anh	Địa lí
1	110031	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	24/01/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
2	110032	Nguyễn Phương Thùy Dương	10/08/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
3	110033	Nguyễn Minh Đan	25/07/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
4	110034	Trần Tấn Đạt	19/01/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
5	110035	Võ Tiến Đạt	21/09/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
6	110036	Huỳnh Nhựt Đức	15/06/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
7	110037	Võ Ngọc Đức	30/01/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
8	110038	Đào Tương Giang	03/08/2010	11 SỬ	X		X	X		X		X	X
9	110039	Nguyễn Diệp Hoàng Giang	04/09/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
10	110040	Nguyễn Lý Cẩm Giang	18/12/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
11	110041	Phạm Nguyên Giáp	12/03/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
12	110042	Đỗ Trần Bắc Hà	12/08/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
13	110043	Trần Ngọc Khánh Hà	16/03/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
14	110044	Trần Nhật Hà	25/10/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
15	110045	Cao Tuấn Hải	01/09/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
16	110046	Võ Thế Hào	10/03/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
17	110047	Nguyễn Minh Hằng	13/10/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
18	110048	Trang Minh Hằng	04/03/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
19	110049	Cao Trương Ngọc Hân	04/12/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
20	110050	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	25/12/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
21	110051	Nguyễn Ngọc Gia Hân	02/10/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
22	110052	Trần Ngọc Hân	03/02/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
23	110053	Đỗ Nguyễn Hoàng Hiếu	04/11/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
24	110054	Bùi Chí Hoàng	04/04/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	

25	110055	Lê Công Tuấn Hoàng	29/10/2010	11 SỬ	X		X	X		X		X	X
26	110056	Phạm Thiện Hoàng	22/06/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
27	110057	Văn Thanh Hoàng	06/09/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
28	110058	Võ Khắc Hoàng	19/09/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
29	110059	Võ Phong Hoàng	07/02/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
30	110060	Nguyễn Thanh Hùng	19/12/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
Số lượng					***27***	***28***	***29***	***27***	***12***	***22***	***8***	***19***	***16***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 11

Phòng: 13

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Sinh học	Tiếng Anh	Địa lí
1	110061	Bùi Quang Huy	06/07/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
2	110062	Nguyễn Hoàng Quang Huy	31/10/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
3	110063	Võ Minh Huy	09/07/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
4	110064	Huỳnh Nguyên Hưng	13/02/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
5	110065	Trần Nguyễn Quốc Hưng	07/05/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
6	110066	Mai Đoàn Quỳnh Hương	10/01/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
7	110067	Phan Quỳnh Hương	24/01/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
8	110068	Mai Hữu Kha	10/01/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
9	110069	Nguyễn Trần Minh Kha	05/02/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
10	110070	Tạ Nguyên Kha	02/02/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
11	110071	Nguyễn Quang Khải	31/01/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
12	110072	Đặng Thái Khang	05/01/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
13	110073	Nguyễn An Khang	19/10/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
14	110074	Nguyễn Nguyên Khang	21/01/2010	11 SỬ	X		X	X		X		X	X
15	110075	Nguyễn Phạm Vĩnh Khang	27/07/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
16	110076	Phan Bảo Khang	22/03/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
17	110077	Võ Minh Khang	04/12/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
18	110078	Võ Thượng Khang	20/08/2010	11 SỬ	X		X	X		X		X	X
19	110079	Võ Thụy Khanh	16/09/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
20	110080	Nguyễn Mai Bảo Khánh	01/06/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
21	110081	Bùi Phan Anh Khoa	04/03/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
22	110082	Lương Quang Khoa	24/11/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
23	110083	Nguyễn Anh Khoa	10/05/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
24	110084	Trần Trung Kiên	03/01/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	

25	110085	Lưu Gia Kiệt	04/10/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
26	110086	Mai Xuân Thái Anh Kiệt	16/01/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
27	110087	Trần Tuấn Kiệt	20/11/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
28	110088	Đoàn Phạm Hoàng Lam	26/04/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
29	110089	Đỗ Hoàng Lâm	05/10/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
30	110090	Nguyễn Mai Thùy Lâm	05/01/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
Số lượng					***29***	***28***	***25***	***27***	***19***	***14***	***16***	***25***	***8***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 11

Phòng: 14

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Sinh học	Tiếng Anh	Địa lí
1	110091	Phạm Hoàng Lâm	20/11/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
2	110092	Võ Thanh Lâm	13/08/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
3	110093	Đặng Thanh Liêm	01/01/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
4	110094	Nguyễn Thanh Liêm	06/10/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
5	110095	Bùi Ngọc Hoàng Linh	17/08/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
6	110096	Đỗ Phan Hà Linh	17/05/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
7	110097	Nguyễn Tạ Thùy Linh	16/11/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
8	110098	Trần Ngọc Bảo Linh	23/09/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
9	110099	Trương Khánh Linh	15/08/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
10	110100	Vũ Nguyệt Linh	28/11/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
11	110101	Lê Huỳnh Long	18/02/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
12	110102	Nguyễn Bá Thăng Long	11/10/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
13	110103	Nguyễn Minh Long	03/03/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
14	110104	Nguyễn Xuân Lộc	02/01/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
15	110105	Đỗ Thanh Mai	24/06/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
16	110106	Quyền Tuyết Mai	08/08/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
17	110107	Tạ Thanh Mai	11/08/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
18	110108	Ngô Tuệ Minh	26/09/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
19	110109	Nguyễn Nhật Minh	11/04/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
20	110110	Nguyễn Quang Minh	15/01/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
21	110111	Phan Quang Minh	04/11/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
22	110112	Huỳnh Nguyễn Nhật Nam	31/01/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
23	110113	Nguyễn Nhật Nam	28/08/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
24	110114	Dương Đỗ Kim Ngân	03/06/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X

25	110115	Dương Khánh Ngân	09/02/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
26	110116	Nguyễn Hoàng Khánh Ngân	18/08/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
27	110117	Nguyễn Hoàng Thanh Ngân	09/08/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
28	110118	Nguyễn Khánh Ngân	17/06/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
29	110119	Trần Khánh Ngân	25/04/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
30	110120	Trần Thúy Ngân	18/04/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
Số lượng					***28***	***30***	***26***	***27***	***17***	***14***	***16***	***23***	***9***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 11

Phòng: 15

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Sinh học	Tiếng Anh	Địa lí
1	110121	Trương Nguyễn Hoài Ngân	15/01/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
2	110122	Võ Thanh Ngân	19/06/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
3	110123	Hứa Đông Nghi	04/01/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
4	110124	Lý Viễn Gia Nghi	08/01/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
5	110125	Phạm Bùi Công Nghĩa	30/04/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
6	110126	Trần Đại Nghĩa	14/01/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
7	110127	Hồ Minh Ngọc	25/11/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
8	110128	Nguyễn Đỗ Minh Ngọc	30/10/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
9	110129	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	16/01/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
10	110130	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	23/06/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
11	110131	Phạm Trần Bảo Ngọc	06/05/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
12	110132	Phan Khánh Ngọc	05/09/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
13	110133	Trần Khánh Ngọc	25/04/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
14	110134	Lê Phước Nguyên	21/07/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
15	110135	Ngô Phương Thảo Nguyên	28/12/2009	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
16	110136	Nguyễn Quốc Nguyên	30/08/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
17	110137	Phan Minh Nguyên	13/09/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
18	110138	Phan Vũ Hạnh Nguyên	06/11/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
19	110139	Võ Hạnh Nguyên	18/03/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
20	110140	Nguyễn Ngọc Nhân	20/01/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
21	110141	Hồ Minh Nhật	08/01/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
22	110142	Nguyễn Minh Nhật	19/07/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
23	110143	Phạm Quang Nhật	19/01/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
24	110144	Trần Gia Nhật	22/02/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X

25	110145	Lê Đào Khánh Nhi	30/01/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
26	110146	Lê Thảo Nhi	01/09/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
27	110147	Tạ Ngọc Nhi	19/10/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
28	110148	Võ Ngọc Đông Nhi	17/04/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
29	110149	Nguyễn Nữ An Nhiên	21/02/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
30	110150	Nguyễn Kiều Như	08/02/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
Số lượng					***25***	***30***	***29***	***26***	***13***	***19***	***11***	***20***	***15***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 11

Phòng: 16

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Sinh học	Tiếng Anh	Địa lí
1	110151	Lữ Thị Phương Oanh	22/02/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
2	110152	Nguyễn Lê Minh Phát	20/01/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
3	110153	Nguyễn Tấn Phát	04/02/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
4	110154	Vương Huỳnh Thế Phong	12/09/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
5	110155	Trần Nguyên Phú	19/10/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
6	110156	Hoàng Thiên Phúc	09/05/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
7	110157	Huỳnh Minh Phước	04/01/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
8	110158	Lê Hồng Thiên Phước	22/01/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
9	110159	Nguyễn Hữu Phước	02/07/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
10	110160	Nguyễn Tấn Phước	18/03/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
11	110161	Phan Nguyễn Hoài Phương	04/03/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
12	110162	Nguyễn Hữu Minh Quân	02/03/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
13	110163	Phạm Đặng Anh Quân	17/12/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
14	110164	Hoàng Anh Quốc	17/09/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
15	110165	Văn Thục Quyên	07/05/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
16	110166	Nguyễn Phạm Phương Quỳnh	01/06/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
17	110167	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	08/03/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
18	110168	Nguyễn Võ Nhật Quỳnh	04/01/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
19	110169	Võ Ngọc Khánh Quỳnh	16/03/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
20	110170	Võ Phan Như Quỳnh	03/04/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
21	110171	Nguyễn Trần Lê Tâm	02/02/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
22	110172	Trần Đình Thanh	24/01/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
23	110173	Võ Phương Thanh	11/01/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
24	110174	Lê Nguyễn Thanh Thảo	18/01/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X

25	110175	Trần Lê Nguyên Thảo	29/11/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
26	110176	Nguyễn Thị Hồng Thắm	25/08/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
27	110177	Bùi Phú Thiên	04/06/2010	11 TIN	X	X	X	X	X		X	X	
28	110178	Lê Thị Thanh Thùy	24/01/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
29	110179	Phùng Vũ Thanh Thủy	20/12/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
30	110180	Lê Bảo Thư	12/11/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
Số lượng					***25***	***30***	***29***	***28***	***14***	***19***	***11***	***20***	***15***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 11

Phòng: 17

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Sinh học	Tiếng Anh	Địa lí
1	110181	Nguyễn Đỗ Anh Thư	29/05/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
2	110182	Nguyễn Vũ Anh Thư	05/03/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
3	110183	Phùng Nguyễn Phương Thư	04/10/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
4	110184	Nguyễn Phước Nhã Tiên	27/03/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
5	110185	Trần Bảo Tiên	18/07/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
6	110186	Nguyễn Minh Tiến	17/09/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
7	110187	Phạm Đỗ Việt Tiến	17/04/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
8	110188	Thới Quang Tiến	01/01/2010	11 SỬ	X		X	X		X		X	X
9	110189	Lý Vĩnh Tín	03/06/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
10	110190	Lê Nguyễn Khánh Toàn	21/03/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
11	110191	Trần Trọng Toàn	01/04/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
12	110192	Trương Đức Toàn	11/08/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
13	110193	Dương Thùy Trang	12/07/2010	11 SỬ	X		X	X		X		X	X
14	110194	Trần Huyền Trang	14/12/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
15	110195	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	16/08/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
16	110196	Nguyễn Đình Khả Trân	27/04/2010	11 LÍ	X	X		X	X		X	X	
17	110197	Lưu Hoàng Trí	03/12/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
18	110198	Nguyễn Ngọc Bảo Trọng	22/09/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
19	110199	Nguyễn Lâm Trường	19/02/2010	11 TOÁN	X	X	X		X		X	X	
20	110200	Phạm Gia Tuân	16/01/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
21	110201	Hoàng Lan Tuệ	20/07/2010	11 SỬ	X		X	X		X		X	X
22	110202	Trần Kim Tuyền	17/03/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
23	110203	Phan Gia Cát Tường	28/04/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	
24	110204	Phạm Thục Uyên	17/06/2010	11 SINH	X	X	X	X	X	X		X	

25	110205	Văn Hải Uyên	14/11/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
26	110206	Nguyễn Thị Thanh Vân	09/04/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
27	110207	Trần Mi Vân	14/04/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
28	110208	Đặng Hoàng Khánh Vy	16/05/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
29	110209	Nguyễn Hoàng Phương Vy	09/11/2010	11 HÓA	X	X	X	X			X	X	
30	110210	Nguyễn Tường Vy	06/01/2010	11 ANH 2	X	X	X	X		X			X
31	110211	Bùi Nguyễn Như Ý	25/03/2010	11 ĐỊA	X	X	X	X	X	X		X	
32	110212	Lâm Thái Thanh Ý	17/11/2010	11 ANH 1	X	X	X	X		X			X
33	110213	Nguyễn Hải Yến	14/09/2010	11 VĂN		X	X	X		X		X	X
Số lượng					***31***	***30***	***29***	***30***	***15***	***21***	***12***	***25***	***13***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà